

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/HS-ST

Ngày: 13 - 02 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Trường và Ông Lê Ngọc Sử

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 180/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Quang T, sinh ngày 1982 tại Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn H, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị D (đã chết); bị cáo có vợ là chị Trần Thị Thùy A, sinh năm 1989 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án: Không,

Tiền sự 01: Ngày 26/7/2018, bị Công an huyện C, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2807/QĐ-XPHC(CAH) với số tiền 5.000.000 đồng về hành vi điều khiển xe ô tô không có giấy phép lái xe.

Bị cáo được tại ngoại “có mặt”.

Người bị hại:

Anh Đỗ Mạnh H, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại anh Đỗ Mạnh H (đã chết):

Ông Đỗ Đình G và bà Hà Thị L, sinh năm 1955; cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (cha mẹ ruột của người bị hại) “vắng mặt”;

Người được ủy quyền làm người đại diện hợp pháp của người bị hại anh Đỗ Mạnh H tại phiên tòa: Chị Đỗ Thương H, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xóm 3, ấp 7, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (Chị ruột của người bị hại) “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn P, sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Ông Trần Mạnh C, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố T 2, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người làm chứng:

Anh Trần Trung K, sinh năm 1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố 02, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 21/5/2019 Lê Quang T đang cùng làm việc với Trần Văn P tại mỏ đá Công ty “H” tại ấp 6, xã T thì P (là chủ xe) yêu cầu T điều khiển xe ô tô biển số 51D-070.83 đến Garage của ông Nguyễn Văn C, thuộc khu phố 02, phường T, thành phố Đ để sửa do xe bị hư hỏng phần thùng xe. Sau đó P điều khiển xe mô tô đi trước còn T đi sau, do T biết mình không có giấy phép lái xe theo quy định nên T điều khiển xe ô tô biển số 51D-070.83 đi theo đường liên xã T đến xã T và ra đường Quốc lộ 14 hướng C đi Đ để đến Garage của anh C. Khi T điều khiển xe ô tô đến khu vực Garage của ông C (nằm trên Quốc lộ 14 hướng C đi Đ) do không bật tín hiệu báo hướng rẽ và không chú ý quan sát phía sau nên khi chuyển hướng rẽ phải vào Garage đã gây tai nạn giao thông với xe mô tô biển số 93P1-235.96 do anh Đỗ Mạnh H đang đi cùng chiều. Hậu quả anh H tử vong trên đường đi cấp cứu.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường vào lúc 12 giờ 45 phút ngày 21 tháng 5 năm 2019, xác định như sau:

Đoạn đường xảy ra tai nạn giao thông là đường Quốc lộ 14 thuộc khu phố 2, phường T, thành phố Đ. Đường Quốc lộ 14 là đường hai chiều có vạch sơn màu vàng gãy nét chia thành 02 chiều riêng biệt. Mỗi chiều đường rộng 15,1m dành cho các phương tiện lưu thông. Mặt đường trải bê tông nhựa bằng phẳng, tầm nhìn không hạn chế.

Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết như sau: Số (1) Vết lốp sau phải 51D-070.83. Số (2) Vết lốp trái 51D070.83. Số (3) Xe ô tô biển số 51D-070.83. Số (4) Vết cày xe mô tô 93P1-235.96. Số (5) Mũ; Số (6) xe mô tô 93P1-235.96.

Chọn mép lề phải theo hướng C đi ngã tư Đ làm lề chuẩn cho hiện trường. Chọn trụ điện số 71 472 ĐX 150 nằm bên trong lề phải (C - Đ) làm điểm mốc vật chuẩn. Đơn vị đo cho hiện trường là mét (m).

Hiện trường vụ tai nạn giao thông để lại như sau:

Số (1): Vết lốp sau phải 51D-070.83 nằm trên mặt đường Quốc lộ 14 màu đen in hằn trên mặt đường, chiều dài 11,2m. Đầu vết lốp sau phải 51D-070.83 hướng C, cuối vết lốp sau phải 51D-070.83 hướng vuông góc với lề chuẩn (lề phải). Số (2): Vết lốp sau trái 51D-070.83 nằm trên mặt đường Quốc lộ 14, màu đen in hằn trên mặt đường, chiều dài 12,4m, đầu vết lốp sau trái hướng C, cuối vết lốp sau trái hướng vuông góc với lề chuẩn (lề phải). Số (3): xe ô tô 51D.070.83 đang đỗ trên mặt đường lề phải, đầu xe hướng lề phải, cuối xe hướng lề trái (C => Ngã tư Đ). Số (4): Vết cày xe mô tô 93P1-235.96 cày trên nền đất, chiều dài 4,4m, đầu vết cày hướng lề phải, cuối vết cày hướng đến góc chân trước bên phải xe mô tô (hướng vuông góc với lề chuẩn). Số (5) mũ bảo hiểm nằm trên nền đất, màu vàng kích thước (0,3 x 0,2)m. Số (6) xe mô tô 93P1-235.96 nằm ngã nghiêng bên phải trên nền đất, đầu xe mô tô hướng lề chuẩn, cuối xe mô tô hướng lề trái (hướng C=>Ngã tư Đ).

Từ đầu vết lốp sau phải (1) 51D-070.83 đo đến lề chuẩn 7,6m, từ đầu vết lốp sau trái (2) 51D-070.83 đo đến lề chuẩn 8,8m, khoảng cách đầu hai vết lốp trái, phải là 2,2m; Từ tâm trục bánh xe sau cùng phải, trái xe 51D.070.83 (3) đo đến lề chuẩn là 1,3m. Từ tâm trục bánh xe thứ hai bên phải xe ô tô đo đến đầu vết cày xe 93P1-235.96 (4) là 1,5m, từ đầu vết cày xe mô tô (4) đo đến lề chuẩn 4,4m. Từ tâm trục bánh xe trước bên phải xe ô tô (3) đo đến mũ bảo hiểm (5) 1,1m; Từ mũ (5) đo đến lề chuẩn 5,6m; Từ tâm trục bánh xe trước bên phải xe ô tô (3) đo đến tâm trục bánh sau xe mô tô (6) là 2,3m; Từ tâm trục bánh xe sau xe mô tô (6) đo đến lề chuẩn 7,7m; Từ tâm trục bánh xe trước xe mô tô (6) đo đến lề chuẩn là 9,1m; Từ tâm trục bánh sau bên trái xe ô tô đến trụ điện 71 là 12m; Từ tâm trục bánh sau bên trái xe ô tô (6) đo đến dải phân cách cố định là 26,3m. Ngoài ra không phát hiện dấu vết khác. Khoảng cách đo đến lề chuẩn đều đo vuông góc.

Kết quả khám nghiệm các phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông như sau:

* Xe ô tô biển số 51D-070.83: Bộ phận thanh sắt cầu phía trước bị mài mòn kích thước (0,2 x 0,01)m; Bộ phận cản phía trước bị trầy xước nhẹ.

Ghi nhận an toàn kỹ thuật của phương tiện: Tiến hành mở ổ khóa điện chính trên xe để tiến hành khám nghiệm các hệ thống an toàn kỹ thuật của phương tiện: Hệ thống lái còn hoạt động; Hệ thống phanh còn hoạt động; Hệ thống gương, gạt nước, côn, số còn hoạt động; Hệ thống đèn chiếu sáng còn hoạt động; Hệ thống đèn tín hiệu không còn hoạt động; Hệ thống lốp còn đầy đủ.

* Xe mô tô biển số 93P1-235.96: Đầu tay cầm trước bên phải bị mài mòn kích thước (0,04 x 0,04)m; Ốp bảo vệ đèn tín hiệu bên phải phía trước bị mài mòn bề vỡ; Mũi dè chắn bùn bị mài mòn nhẹ kích thước (0,1 x 0,1)m; Nhựa ốp bảo vệ yếm chắn gió bên phải bị bề vỡ; Góc kim loại phía sau tay cầm bên phải bị mài mòn kích thước (0,15 x 0,01)m; Bộ phận giảm thanh bị mài mòn móp méo kích thước (0,3x0,03)m; Góc

để chân trước bên phải bị cong từ trước ra sau, bàn đạp chân phanh sau bị cong từ trước ra sau; Cần chuyển động, khởi động bị mài mòn nhẹ; Gác kim loại phía sau tay cầm bên trái bị mài mòn (0,06x 0,01)m; Yếm bảo vệ phía sau bị trầy xước kích thước (01,5x0,05)m; Lốp xe phía sau có dấu vết mài mòn.

Ghi nhận an toàn kỹ thuật của phương tiện: Tiến hành mở ổ khóa điện chính trên xe để tiến hành khám nghiệm các hệ thống an toàn kỹ thuật của phương tiện: Hệ thống lái còn hoạt động; Hệ thống phanh còn hoạt động; Hệ thống ga, số còn hoạt động; Hệ thống điện chính trên xe không hoạt động, không kiểm tra được hệ thống đèn, hệ thống đèn tín hiệu; Hệ thống gương bên trái còn hoạt.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã tạm giữ 01 xe ô tô biển số 51D-070.83 và xe mô tô biển số 93P1-235.96.

Ngày 17/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 xe mô tô 93P1-235.96 cho chị Đỗ Thương H là người đại diện hợp pháp của người bị hại.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 166/2019/GĐPY ngày 22/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước, kết quả giám định: Đỗ Mạnh H, sinh năm 1983 bị chấn thương ngực kín gây giập phổi, vỡ tim dẫn đến tử vong.

Tại bản Cáo trạng số 177/CT-VKS ngày 15/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo Lê Quang T về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Quang T mức án từ 36 đến 42 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc tại phiên tòa bị cáo Lê Quang T đồng ý bồi thường tiếp cho người đại diện hợp pháp của người bị hại anh Đỗ Mạnh H là chị Đỗ Thương H số tiền 27.000.000 đồng ngoài số tiền 163.000.000 đồng mà anh T đã bồi thường.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần Văn P 01 xe ô tô biển số 51D-070.83; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T và 01 sổ kiểm định.

Bị cáo T tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 177/CT-VKS ngày 15/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, phù hợp với kết luận điều tra, kết luận giám định pháp y về tử thi, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, các dấu vết để lại hiện trường, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Mặc dù chưa có giấy phép lái xe theo quy định nhưng khoảng 11 giờ 30 phút ngày 21/5/2019 Lê Quang T vẫn điều khiển xe ô tô tải biển số 51D-070.83 lưu thông từ mỏ đá Công ty “H” tại ấp 6, xã T đến Garage của ông Nguyễn Văn C, thuộc khu phố 02, phường T, thành phố Đ để sửa thùng xe, do không bật tín hiệu báo hướng rẽ và chú ý quan sát phía sau nên khi chuyển hướng rẽ phải vào Garage đã gây tai nạn giao thông với xe mô tô biển số 93P1-235.96 do anh Đỗ Mạnh H đang đi cùng chiều. Hậu quả là làm anh H tử vong trên đường đi cấp cứu.

Căn cứ vào hành vi trên của bị cáo đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo tham gia giao thông mà không có giấy phép lái xe theo quy định gây tai nạn nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn giao thông và trực tiếp đã xâm phạm đến tính mạng của người bị hại. Bị cáo là người đã thành niên, khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông trên đường bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc không có giấy phép lái xe theo quy định là hành vi vi phạm pháp luật, bản thân bị cáo vào ngày 26/7/2018 đã bị Công an huyện C ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 5.000.000 đồng về hành vi điều khiển xe ô tô mà không có giấy phép lái xe nhưng bị cáo không biết lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân, chính hành vi không chấp hành quy định của pháp luật giao thông và sự thiếu quan sát khi điều khiển xe đã dẫn hậu quả tử vong cho người bị hại anh Đỗ Mạnh H. Do đó cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu

quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt như sau: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường khắc phục thiệt hại cho gia đình người bị hại; người đại diện hợp pháp của người bị hại cũng có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận chính quyền địa phương. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có đủ điều kiện áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự nên được Hội đồng xét xử áp dụng để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[5] Đối với anh Trần Văn P, quá trình điều tra và tại phiên tòa anh P đều xác định khi thuê bị cáo T chạy xe cho anh P thì anh P không biết việc bị cáo T không có giấy phép lái xe, do bị cáo T điều khiển xe trong mờ đá nên bị cáo T cũng không nói cho anh P biết việc bị cáo không có giấy phép lái xe nên không có căn cứ xử lý anh P về hành vi giao xe cho người không đủ điều kiện tham gia giao thông.

Đối với chiếc xe ô tô biển số 51D-070.83 do anh P là chủ sở hữu, quá trình điều tra xác định xe ô tô không đảm bảo an toàn kỹ thuật, tuy nhiên tai nạn giao thông xảy ra không phải do yếu tố an toàn kỹ thuật của phương tiện gây ra mà do lỗi điều khiển phương tiện của bị cáo T. Tại thời điểm xảy ra tai nạn giao thông xe ô tô biển số 51D-070.83 đã hết niên hạn sử dụng từ ngày 31/8/2018 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Văn P với số tiền 5.000.000 đồng theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 30 Nghị định 46/2016/CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người bị hại anh Đỗ Mạnh H là chị Đỗ Thương H yêu cầu bị cáo Lê Quang T phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 27.000.000 đồng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi trả xong hết số tiền. Bị cáo T tại phiên tòa cũng đồng ý bồi thường số tiền trên theo yêu cầu của chị H. Xét sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về vật chứng vụ án: Cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Văn P 01 xe ô tô biển số 51D-070.83; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T và 01 sổ kiểm định.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê Quang T phạm tội *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”*.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Quang T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Lê Quang T có trách nhiệm bồi thường cho người đại diện hợp pháp của người bị hại anh Đỗ Mạnh H là chị Đỗ Thương H số tiền còn lại là 27.000.000 đồng, thời hạn thanh toán tính từ ngày 13/02/2020, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết số tiền, thời hạn thanh toán vào ngày 13/02 hàng tháng.

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015”.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

4. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho anh Trần Văn P 01 xe ô tô biển số 51D-070.83 không chạy được và không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong vì xe đã cũ, hỏng, hết đời (Xe hiện đang ở kho vật chứng của Công an Thành phố Đ); 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T; 01 sổ kiểm định đã cũ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001772, quyền số 0036, ký hiệu D47/2017 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ)

5. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo T phải chịu 1.350.000 đồng (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người đại diện hợp pháp của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An